

Ngày thi: 08/01/2014

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15			15		15			55	100			
1	171213313	HOÀNG NHƯ ANH	TÂN	C17XCDB	8			8		2			8	7.1	Bảy phẩy Một		
2	171213314	PHAN TỰ	THIỆN	C17XCDB	9			8		3			8	7.4	Bảy phẩy Bốn		
3	171213315	VƯƠNG ĐÌNH	KHÁNH	C17XCDB	6			6		3			6	5.6	Năm phẩy Sáu		
4	171213316	NGUYỄN ĐÌNH	TUYẾN	C17XCDB	9			7		5			8	7.6	Bảy phẩy Sáu		
5	171213319	NGUYỄN VĂN	LƯU	C17XCDB	9			8		4			8	7.6	Bảy phẩy Sáu		
6	171213320	TRẦN VĂN	HIỆP	C17XCDB	7			7		5			7	6.7	Sáu phẩy Bảy		
7	171213321	NGUYỄN HỮU	CÔNG	C17XCDB	0			0		0			V	0.0	Không		
8	171213322	ÔNG TRẦN	PHƯƠNG	C17XCDB	8			8		5			8	7.6	Bảy phẩy Sáu		
9	171213324	ĐỖ QUỐC	VIỆT	C17XCDB	6			6		5			7	6.4	Sáu phẩy Bốn		
10	171213325	NGUYỄN VĂN	HIỀN	C17XCDB	0			0		0			HP	0.0	Không		
11	171213326	LÊ ĐÌNH QUANG	VŨ	C17XCDB	5			0		3			V	0.0	Không		
12	171213327	PHẠM HỒNG	HỘI	C17XCDB	10			8		5			8	7.9	Bảy phẩy Chín		
13	171213328	TRẦN QUANG	LÂM	C17XCDB	1			0		1			V	0.0	Không		
14	171213330	NGUYỄN VĂN	TRUNG	C17XCDB	4			0		2			4	3.1	Ba phẩy Một		
15	171213331	LÊ NGỌC	TUẤN	C17XCDB	8			7		4			7	6.7	Sáu phẩy Bảy		
16	171213332	TRẦN QUỐC	VIỆT	C17XCDB	0			0		0			HP	0.0	Không		
17	171213333	PHAN VĂN	THÀNH	C17XCDB	8			7		2			6	5.9	Năm phẩy Chín		
18	171213334	NGUYỄN QUANG	TÂM	C17XCDB	9			7		4			8	7.4	Bảy phẩy Bốn		
19	171213335	PHAN QUANG	THÔNG	C17XCDB	8			6		4			6	6.0	Sáu		
20	171213337	PHẠM VĂN	CHUẨN	C17XCDB	0			0		0			HP	0.0	Không		
21	171213339	ĐỖ CHÍ	THÀNH	C17XCDB	6			4		3			4	4.2	Bốn phẩy Hai		
22	171213340	VÕ NGỌC	ANH	C17XCDB	7			7		0			6	5.4	Năm phẩy Bốn		
23	171213341	NGUYỄN THẠCH	VŨ	C17XCDB	8			7		4			7	6.7	Sáu phẩy Bảy		
24	171213342	PHẠM PHƯƠNG	VŨ	C17XCDB	6			5		3			6	5.4	Năm phẩy Bốn		
25	171213343	ĐÌNH XUÂN	TRUÔNG	C17XCDB	5			5		2			4	4.0	Bốn		
26	171213344	ÔNG THỊ PHƯƠNG	CHI	C17XCDB	10			8		5			8	7.9	Bảy phẩy Chín		
27	171213345	NGUYỄN VĂN	DŨNG	C17XCDB	10			8		6			9	8.6	Tám phẩy Sáu		
28	171213347	HOÀNG ANH	TÀI	C17XCDB	7			0		4			7	5.5	Năm phẩy Năm		
29	171213348	HUỲNH THỊ	NĂM	C17XCDB	10			8		5			8	7.9	Bảy phẩy Chín		
30	171213349	LÊ CÔNG	BA	C17XCDB	8			8		4			8	7.4	Bảy phẩy Bốn		
31	3188	NGÔ ĐỨC	NAM	K14XCD	5			0		4			4	3.6	Ba phẩy Sáu	39179 DT	
32	7068	ĐẶNG BẢO	KHIẾT	K16XCD	6			6		3			6	5.6	Năm phẩy Sáu	60448 DT	
33	7028	LƯU QUANG	HUY	K16XCD	8			7		4			7	6.7	Sáu phẩy Bảy	62658 DT	
34	2873	NGUYỄN TUẤN	DŨNG	C17XCD	8			7		5			7	6.9	Sáu phẩy Chín	62674 DT	
35	2877	LÊ VIỆT	HOÀI	C17XCD	7			6		4			7	6.4	Sáu phẩy Bốn	62889 DT	
36	2578	RƯƠNG ĐÌNH	HUÂN	C17XCD	5			5		5			7	6.1	Sáu phẩy Một	63714 DT	
37	4721	HỒ NGỌC	HIẾU	K14XDC	6			0		3			4	3.6	Ba phẩy Sáu	64197 DT	

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15			15		15			55	100			
38	132214470	NGUYỄN QUỐC HÙNG	K14XDD	10			9		5			8	8.0	Tám	63729DT	
39	171212867	Ngô Anh Công	C17XCD	4			4		4			4	4.0	Bốn	64043DT	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	30	77%	
2	Số sinh viên nợ	9	23%	
TỔNG CỘNG :		39	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 01 năm 2014
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Phan Thanh Tâm

Trương Văn Tâm

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Ân